TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 950/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 778/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" giữa các đương sự sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Phan Thị T, sinh năm 1983.

Ông Vũ Anh T1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 1 L, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ cư trú: 136/27/24 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 056/2006 do UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/9/2006, bà Phan Thị T và ông Vũ Anh T1 là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Vũ Anh T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà khai nhận có 01 con chung tên Vũ Thế A, sinh ngày 31/01/2008. Ông bà thỏa thuận sau khi ly hôn con chung giao cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ Anh T1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10/2023, giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông T1 khai không có.

[3] Về lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Phan Thị T và ông Vũ Anh T1 thỏa thuận cùng chịu

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải và đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Vũ Anh T1 thuận tình ly hôn (Bà T và ông T1 kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn 056/2006 do UBND thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp ngày 25/9/2006).

- Về con chung: có 01 con chung tên Vũ Thế A, sinh ngày 31/01/2008. Sau khi ly hôn ông bà thỏa thuận con con chung giao cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Vũ Anh T1 cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 (bốn triệu) đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng nuôi con từ tháng 10/2023, giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, việc cấp dưỡng cho đến khi con thành niên.

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mà chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Ông bà khai không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng) bà Phan Thị T và ông Vũ Anh T1 chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng) được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà T và ông T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023660 ngày 21/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND TT. Yên Thành, H. Yên Thành, tỉnh Nghệ An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trí